

Bản án số:18/2017/HSST

Ngày 20/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ - TỈNH LÀO CAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh

2. Ông Vàng Văn Thủy

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại Tổ dân phố N, thị trấn B, huyện B. Toà án nhân dân huyện B xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 14/2017/HSST, ngày 10 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Trương Văn H - sinh ngày 17 tháng 02 năm 1999. Tại: huyện BY, tỉnh Lào Cai.

Nơi ĐKKTTT: Thôn Bản Tr B, xã Điện Q, huyện BY, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 3/12.

Tiền án: Không

Tiền sự: có 01 (năm 2015 bị TAND huyện BY ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng đến ngày 24/11/2016 thì chấp hành xong), nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính.

Con ông: Trương Văn B, sinh năm 1957. Trú tại: Thôn Bản Tr B, xã Điện Q, huyện BY, tỉnh Lào Cai; Con bà: Bàn Thị S (đã chết).

Vợ, con: chưa có

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 14/9/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam, tại nhà tạm giữ Công an huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. - Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn H: Bà La Thị Huyền Trang - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai - có mặt.

Người bị hại:

Anh Lâm A T - sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn Đội 1 P, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Anh Lâm A O - sinh năm 1993

Địa chỉ: thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.

- Anh Lữ Ngọc Th - sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Làng B, xã Xuân Q, huyện Bảo Th, tỉnh Lào Cai - vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Trương Văn Hạ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 18/8/2017 Trương Văn H đến Trường tiểu học Cốc Ly 2 thuộc xã Cốc L, huyện B làm thuê cho Nguyễn Văn D (trước đó H và T đã làm thuê cho D tại trường tiểu học Cốc L 1). Khi xuống làm công trình tại Cốc L 2 thì Lâm A T có mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu FANTOM biển kiểm soát 24R1-1535 của anh Lâm A O ở cùng thôn để làm phương tiện đi lại. H thấy T sử dụng xe đi lại không cần chìa khóa nên nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi ăn cơm tối xong, khoảng 19 giờ ngày 19/8/2017 H quan sát thấy mọi người nghỉ trong phòng, H đi ra sân dắt xe mô tô thả trôi dốc khoảng 3-4m rồi cài số nổ máy đi thẳng ra km36 thuộc Quốc lộ 70. H điều khiển xe đi tới xã Tân Q, huyện Quang B, tỉnh Hà Giang để tìm việc làm. Đến ngày 20/8/2017 do không tìm được việc làm nên H điều khiển xe quay về BH. Khoảng 19 giờ cùng ngày H vào quán sửa xe của anh Lữ Ngọc Th trú tại thôn An H, xã Phong N, huyện Bảo Th, tỉnh Lào Cai đặt vấn đề bán xe. Th hỏi nguồn gốc xe thì H nói là xe của mình bị mất giấy tờ và bảo bán 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng Th trả 250.000đ (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*). H đồng ý bán. Th hỏi H chứng minh nhân dân, H nói không có nên Th lấy điện thoại chụp lại hình của H. Sau đó H lấy tiền và đi sang huyện Quang B, tỉnh Hà Giang làm thuê. Đến ngày 14/9/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BH đã triệu tập H đến làm việc. Tại đây H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 19/9/2017 của Hội đồng định giá huyện B xác định chiếc xe mô tô FANTOM biển kiểm soát 24R1-1535 có giá trị là 3.750.000đ (*Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bản cáo trạng số: 14/KSĐT, ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Trương Văn H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo: Trương Văn Hạ phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Trương Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 3.500.000 đồng theo như biên bản thỏa thuận.

Về vật chứng: không đề cập giải quyết.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn H: sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ trong vụ án, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Sau khi xem xét, kiểm tra những tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua việc xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, ý kiến của bị cáo, ý kiến của người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trương Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai: Khoảng 19 giờ ngày 19/8/2017 bị cáo đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 24R1-1535 của anh Lâm AT là người làm cùng công trình với H. Sau khi lấy được xe bị cáo đã điều khiển xe đi tới xã Tân Q, huyện Quang B, tỉnh Hà Giang để tìm việc làm. Đến ngày 20/8/2017 do không tìm được việc làm nên bị cáo lại điều khiển xe quay về Bắc H. Khoảng 19 giờ cùng ngày bị cáo vào quán sửa xe của anh Lữ Ngọc Th ở Phong N, huyện Bảo Th đặt vấn đề bán xe. Do xe không có giấy tờ nên chỉ bán được 250.000đ (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*). Đến ngày 14/9/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã triệu tập Hạ đến làm việc. Tại đây H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Trương Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn huyện B. Xét về nhân thân của Bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe, có nhận thức về pháp luật, là người có đủ năng lực và đạt độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Lợi dụng sự sơ hở của người bị hại để tài sản ở ngoài sân, không có người trông coi, quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có nhân thân xấu, H đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa tới mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Y, tỉnh Lào Cai ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng đến ngày 24/11/2016 thì chấp hành xong, nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính. Lẽ ra, sau khi bị cáo ở Trường giáo dưỡng trở về địa phương phải tích cực lao động để phát triển kinh tế gia đình, nhưng do lười lao động, chỉ muốn có tiền tiêu sài phục vụ cho mục đích cá nhân, nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, tuyên mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Song, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự qui định hình phạt bổ xung bằng tiền, xét thấy bị cáo không có thu nhập, nên không cần thiết phải áp dụng.

Đối với anh Lữ Ngọc Th - sinh năm 1990 ở thôn Làng B, xã Xuân Q, huyện Bảo Th là người đã mua chiếc xe mô tô BKS 24R1- 1535 do Trương Văn H trộm cắp đem bán, sau khi mua xe anh Th đã tháo dỡ các bộ phận của xe để bán cùng với nhiều sắt vụn khác của gia đình cho một người không rõ tên tuổi, địa chỉ, nên không có căn cứ xác minh, thu giữ, chỉ còn biển số xe anh Th đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Khi mua anh Th không biết chiếc xe đó do H trộm cắp được mà có, nay anh Th không có yêu cầu gì, cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lâm A T bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 24R1-1535. Trong quá trình điều tra không thu giữ được chiếc xe. Anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh tiền trị giá chiếc xe là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Ngày 05/10/2017 anh T đã thỏa thuận với bị cáo bồi thường số tiền là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền xe. Tại phiên tòa anh T yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh số tiền trị giá chiếc xe là 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), theo như biên bản đã thỏa thuận. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thỏa thuận bồi thường giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với qui định của pháp luật. Xét yêu cầu của anh Lâm A T là có căn cứ, nên cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường.

Đối với anh Lâm A O- sinh năm 1993, trú tại thôn P, xã Bản L, huyện B là người đã cho Lâm A T mượn chiếc xe mô tô BKS 24R1-1535. Ngày 29/9/2017 anh O đã ủy quyền cho T đứng ra giải quyết yêu cầu bị cáo Hạ phải bồi thường trị giá chiếc xe theo như thỏa thuận, sau này anh có nhu cầu đòi lại Toàn số tiền trên thì anh sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác. Xét yêu cầu của anh O là tự nguyện, hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về vật chứng:

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu FANTOM biển kiểm soát 24R1-1535 không thu giữ được. Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

- Quá trình điều tra đã trả lại 01 biển kiểm soát xe mô tô bằng kim loại có số 24 R1-1535, trên mặt biển kiểm soát có hai lỗ thủng tròn, biển kiểm soát màu trắng bạc cho anh Lâm A T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo Trương Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định tại Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trương Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, g khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Trương Văn H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt 14 tháng 9 năm 2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ Luật hình sự; Điều 585; Điều 589 Bộ Luật dân sự: Buộc bị cáo Trương Văn H phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Lâm A T số tiền trị giá chiếc xe là: 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương với ứng thời gian chậm thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trương Văn H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 175.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự. Tổng cộng hai khoản là 375.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh; huyện.
- THAHS;
- CCTHADS;
- Trại giam;
- Bị cáo;
- CA huyện Bắc Hà;
- Người bị hại;
- NBC cho bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- STP;
- Lưu HS, TA, VP;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Thọ